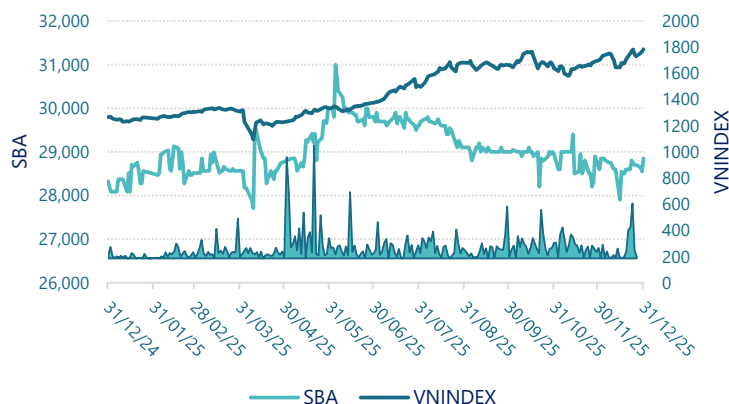




CTCP Sông Ba (HSX: SBA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	28,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,705
SL cổ phiếu LH	60,488,261
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,475
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,745
P/E	10.3
EPS	2,814

DT thuần

Q4/25

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.0 | 51.5%

YoY: ▲ 54.0 | 53.0%

LN sau thuế

Q4/25

68.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.5 | 63.8%

YoY: ▲ 23.3 | 52.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

55.0%

+/- YoY: ▲ 2.2%

DT thuần

2025

397

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 133 | 50.2%

LN sau thuế

2025

170

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.0 | 49.9%

ROE

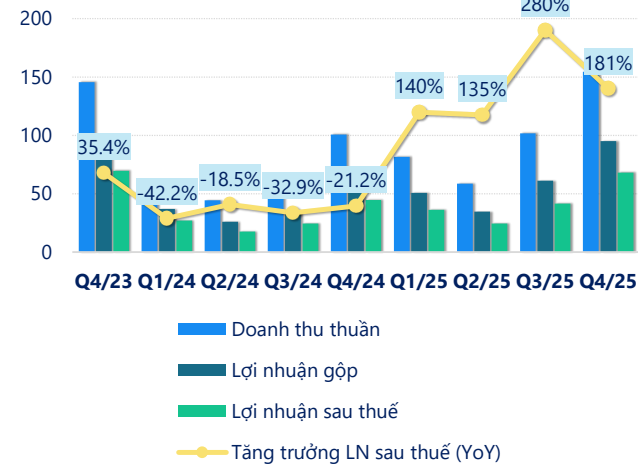
2025

16.8%

+/- YoY: ▲ 5.3%

tỷ VNĐ

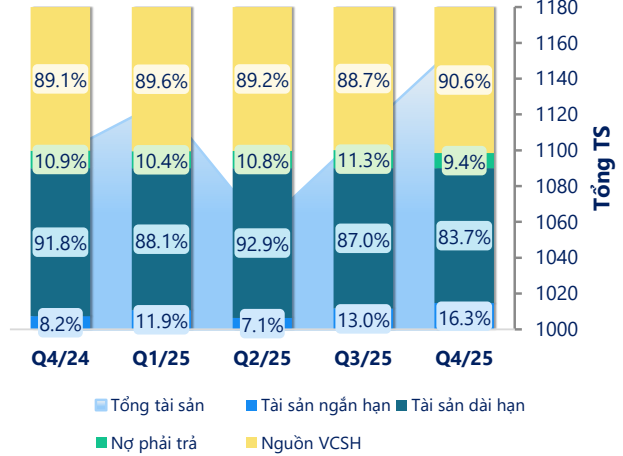
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

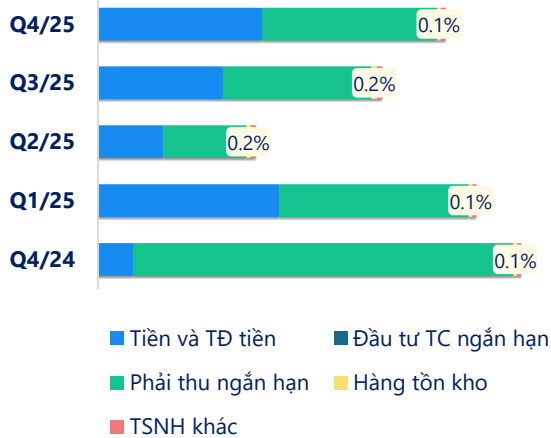
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



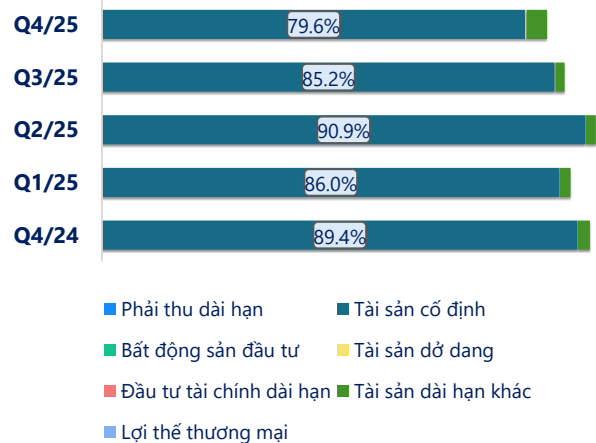
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

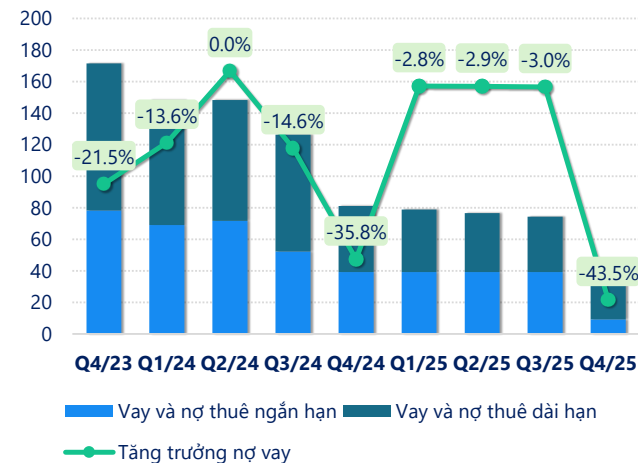
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

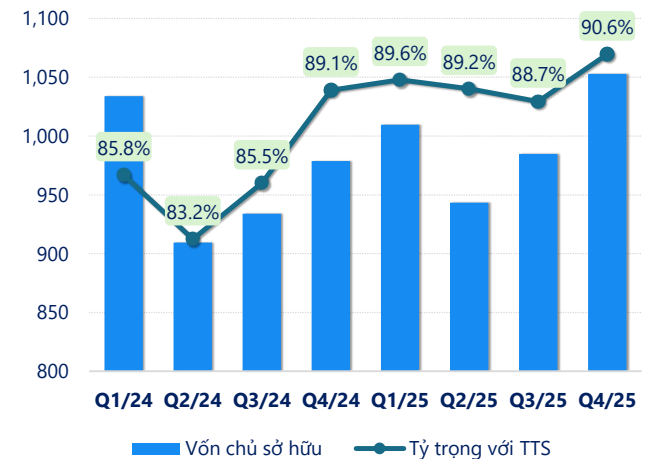
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

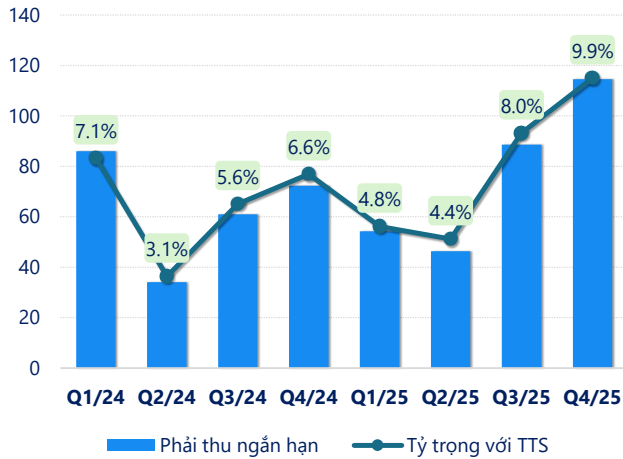
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



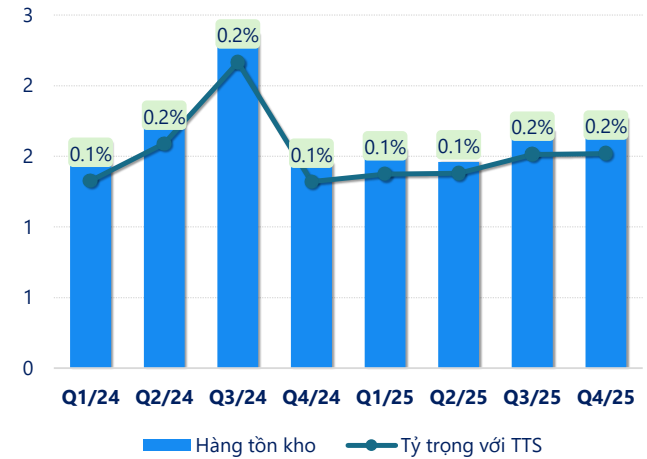
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


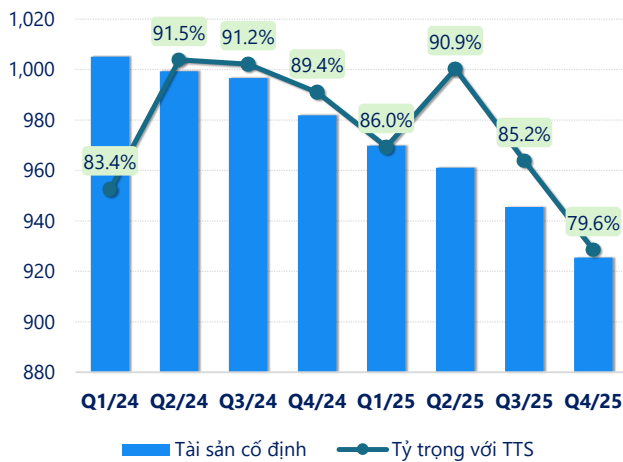
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


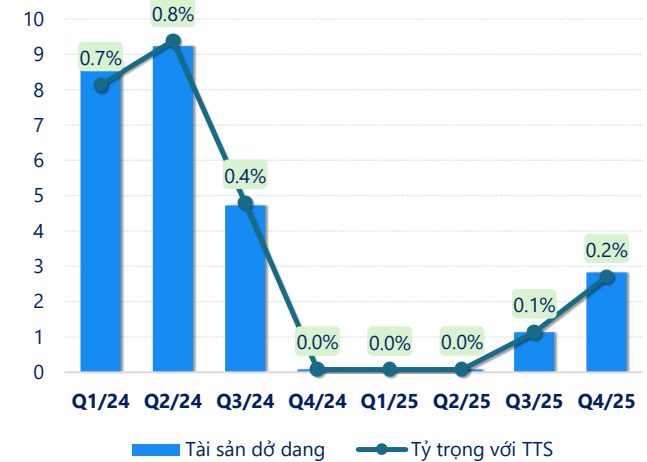
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

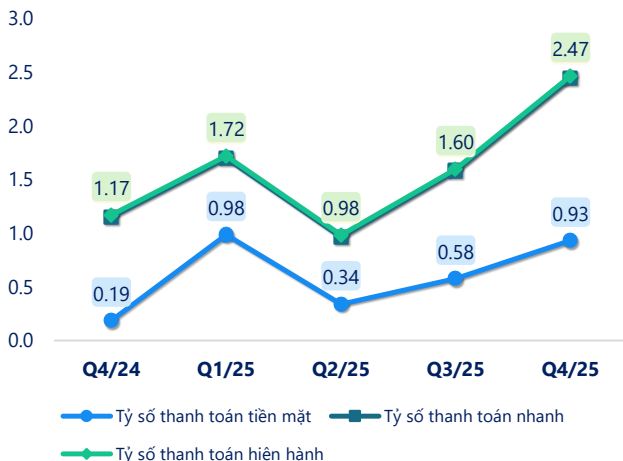
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

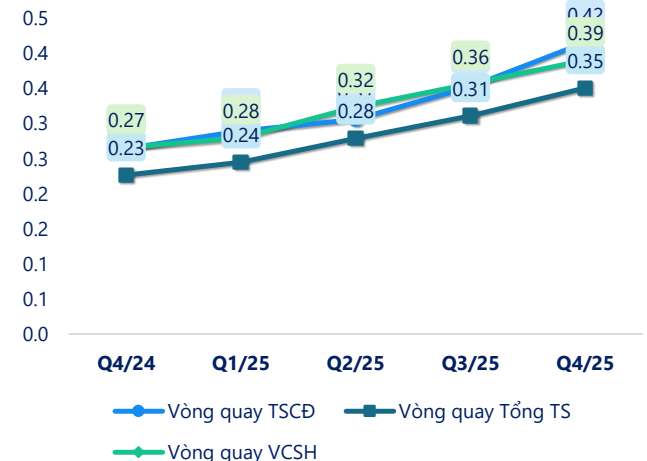
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,098	1,127	1,057	1,110	1,162
Tài sản ngắn hạn	90.3	134	75.4	144	190
Tiền và tương đương tiền	14.4	76.8	26.0	52.2	71.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	72.4	54.3	46.4	88.6	115
Hàng tồn kho	1.45	1.55	1.46	1.68	1.77
Tài sản ngắn hạn khác	2.10	1.49	1.55	1.94	1.66
Tài sản dài hạn	1,007	993	982	966	973
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.02	0.03	0.03
Tài sản cố định	982	970	961	946	925
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.08	1.13	2.83
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	25.5	23.1	20.8	19.0	44.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	119	118	114	125	110
Nợ ngắn hạn	77.2	78.0	76.8	90.4	76.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.2	39.2	39.3	39.3	9.32
Phải trả người bán ngắn hạn	0.76	0.22	0.66	0.72	3.92
Nợ dài hạn	42.0	39.6	37.3	35.0	32.6
Vay và nợ thuê dài hạn	42.0	39.6	37.3	35.0	32.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	979	1,010	943	985	1,053
Vốn chủ sở hữu	979	1,010	943	985	1,053
Vốn điều lệ	605	605	605	605	605
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)